TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Diễn

Ông Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai L, sinh năm: 1987;

Nơi ĐKHKTT: 270/26/1, đường P, phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang tạm trú tại: 36/45/20/7, đường B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần H, sinh năm: 1985;

Hộ khẩu thường trú: ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam C, có trụ sở tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2017, bản tự khai, nguyên đơn là bà Mai L trình bày:

Bà và bị đơn là ông Trần H chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2008. Thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng không còn hiểu nhau nữa. Mâu thuẫn phát sinh ngày càng nhiều và trầm trọng, dù hai vợ chồng đã cố gắng tìm hiểu để hàn gắn lại với nhau nhưng không có kết quả.

Nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông H nữa, đặc biệt là ông H đã vi phạm pháp luật và đang thi hành án hình sự đối với bản án của Tòa án nhân dân quận M, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích hôn nhân không còn tồn tại được. Ông H đã có những hành vi bạo lực, ngoại tình...Do vậy, bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Quá trình chung sống, bà và ông H có một con chung là cháu Trần N, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2008, cháu N hiện nay đang sống với mẹ. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản ghi nhận ý kiến ngày 25/10/2017, bị đơn là ông Trần H trình bày:

Ông và bà Mai L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, ông bà tổ chức cưới hỏi vào năm 2007 đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có nhiều mâu thuẫn. Ông bà có một con chung là cháu Trần N, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2008. Đến tháng 4 năm 2016 thì ông vi phạm pháp luật và phải chấp hành án nên vợ chồng không còn chung sống nữa. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà L thì ông không đồng ý. Ông muốn chấp hành án xong để về gặp bà L hàn gắn gia đình cùng lo cho con chung. Trường hợp Tòa án xét xử buộc phải ly hôn thì ông đồng ý để bà L tiếp tục nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà L không có tài sản chung, nợ chung. Ông H cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Theo bà L thì sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông H đã ly thân. Bà đã nộp đơn xin ly hôn rất nhiều lần nhưng vì thương con nên bà đều đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó ông H vẫn tiếp tục ngoại tình. Cho đến năm 2016, khi bị bắt vì vi phạm pháp luật ông H cũng đang trong tình trạng ở chung với người phụ nữ khác. Do vậy, từ đó đến nay bà không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên bà cương quyết xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Ông Trần H là bị đơn trong vụ án có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần H và bà Mai L chung sống với nhau và đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2008 ngày 01 tháng 02 năm 2008 tại UBND phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh, nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà L được coi là hợp pháp. Bà L và ông H có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc và có 1 con chung.

Theo bà L trình bày thì ông H có những hành vi bạo lực và có quan hệ yêu đương bất chính khi đã có vợ. Sau đó, ông H vi phạm pháp luật và hiện tại đang chấp án tại Trại giam C. Bây giờ, bà không thể chịu đựng được nữa. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau vì vậy bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Ông H thì cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng không có nhiều mâu thuẫn nên ông không đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên, qua lời khai của 2 ông bà cũng thể hiện ông bà không còn tin tưởng, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau người nào chỉ biết phận người đó. Hiện tại, ông bà đã không chung sống với nhau một thời gian dài và không còn thực hiện tình nghĩa *"vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững"* (Điều 18 của Luật hôn nhân và gia đình).

Tại phiên tòa, bà L vẫn cương quyết xin ly hôn, bà trình bày là trước đây bà đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án quận N, thành phố Hồ Chí Minh nhiều lần nhưng sau đó vì thương con nên bà đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, do sau đó ông H vẫn tiếp tục, lúc vi phạm pháp luật cũng là thời điểm ông H đang ngoại tình nên tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khó có thể hàn gắn được. Điều này cũng phù hợp với nội dung thể hiện trong bản án số 85/2017/HSST ngày 09/5/2017 của TAND quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L để giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Ông Trần H và bà Mai L có một con chung là cháu Trần N, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2008, cháu N hiện nay đang do bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Do ông H và bà L đã có ý kiến thống nhất việc người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu N cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngân.

Hội đồng xét xử cũng đã giải thích về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng bà L không có yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông H và bà L là ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng. Bà L đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 131, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Mai L được ly hôn với ông Trần H.

2. *Về con chung*: Bà Mai L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần N, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2008.

Ghi nhận việc bà Mai L không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần H được quyền thăm nom cháu Trần N, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận việc ông H và bà L cùng khai ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Mai L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012889 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm; bà L đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND phường M;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.